

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING**



**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH**  
**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**MÃ NGÀNH: 8380107**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12/2025**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Chữ viết tắt | Ý nghĩa                              |
|-----|--------------|--------------------------------------|
| 1   | ĐHTCM        | Trường Đại học Tài chính – Marketing |
| 2   | GV           | Giảng viên                           |
| 3   | CTĐT         | Chương trình đào tạo                 |
| 4   | NCKH         | Nghiên cứu khoa học                  |
| 5   | NCS          | Nghiên cứu sinh                      |
| 6   | VLVH         | Vừa làm vừa học                      |

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                                  |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>                                                                                                                                                                                               | <b>i</b>  |
| <b>MỤC LỤC.....</b>                                                                                                                                                                                                              | <b>ii</b> |
| <b>DANH MỤC HÌNH.....</b>                                                                                                                                                                                                        | <b>iv</b> |
| <b>DANH MỤC BẢNG.....</b>                                                                                                                                                                                                        | <b>v</b>  |
| <b>PHẦN 1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING.....</b>                                                                                                                                                   | <b>1</b>  |
| 1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính – Marketing.....                                                                                                                                                                     | 1         |
| 1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển .....                                                                                                                                                                                    | 1         |
| 1.1.2. Các ngành, trình độ đang đào tạo.....                                                                                                                                                                                     | 4         |
| 1.1.3. Thống kê về số lượng tốt nghiệp .....                                                                                                                                                                                     | 7         |
| 1.1.4. Đội ngũ nhân sự.....                                                                                                                                                                                                      | 8         |
| 1.2. Giới thiệu sơ lược về Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ .....                                                                                                                                                                     | 10        |
| 1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển .....                                                                                                                                                                                    | 10        |
| 1.2.2. Chức năng của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ.....                                                                                                                                                                            | 10        |
| 1.2.3. Cơ cấu tổ chức hành chính:.....                                                                                                                                                                                           | 13        |
| 1.2.4. Hoạt động đào tạo và NCKH.....                                                                                                                                                                                            | 14        |
| <b>PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....</b>                                                                                                                                                                               | <b>17</b> |
| 2.1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo:.....                                                                                                                                                                                         | 17        |
| 2.1.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế hiện nay và trong thời gian tới: .....                                                                  | 17        |
| 2.1.2. Khảo sát, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế:..... | 18        |
| 2.2. Năng lực của cơ sở đào tạo .....                                                                                                                                                                                            | 24        |
| 2.2.1. Đội ngũ giảng viên.....                                                                                                                                                                                                   | 24        |
| 2.2.2. Năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học về Luật kinh tế.....                                                                                                                                                              | 27        |
| 2.2.3. Cơ sở vật chất.....                                                                                                                                                                                                       | 27        |

|                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.2.4. Công nghệ và học liệu .....                                                              | 31        |
| 2.2.5. Hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế:.....                                            | 42        |
| 2.3. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ: .....               | 42        |
| 2.4. Giải pháp và lộ trình thực hiện: .....                                                     | 42        |
| 2.4.1. Giải pháp và lộ trình xây dựng đề án mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo:            | 42        |
| 2.4.2. Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu: .....                  | 42        |
| 2.4.3. Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo: .....                 | 43        |
| 2.4.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo: .....                               | 43        |
| 2.5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro .....                                                 | 43        |
| <b>PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ.....</b> | <b>45</b> |
| <b>PHẦN 4. KẾT LUẬN .....</b>                                                                   | <b>46</b> |

## **DANH MỤC HÌNH**

**Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Tài chính – Marketing .....9**

**Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ.....14**

## DANH MỤC BẢNG

|                                                                                                                                                                                                             |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Bảng 1.1. Quy mô đào tạo từ 2022-2025 .....</b>                                                                                                                                                          | <b>6</b>  |
| <b>Bảng 1.2. Bảng thống kê số liệu tốt nghiệp 5 năm gần nhất .....</b>                                                                                                                                      | <b>7</b>  |
| <b>Bảng 1.3. Cơ cấu giảng viên Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ phân theo Bộ môn .....</b>                                                                                                                       | <b>13</b> |
| <b>Bảng 1.4. Cơ cấu giảng viên Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ theo trình độ .....</b>                                                                                                                          | <b>14</b> |
| <b>Bảng 1.5. Quy mô tuyển sinh ngành Luật Kinh tế giai đoạn 2021-2025 .....</b>                                                                                                                             | <b>15</b> |
| <b>Bảng 1.6. Số lượng công bố của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ.....</b>                                                                                                                                      | <b>16</b> |
| <b>Bảng 1.7. Số lượng giáo trình/đề tài giai đoạn 2021-2025.....</b>                                                                                                                                        | <b>16</b> |
| <b>Bảng 2.1. Đặc điểm mẫu khảo sát.....</b>                                                                                                                                                                 | <b>19</b> |
| <b>Bảng 2.2. Kết quả khảo sát về nhu cầu nhân sự liên quan .....</b>                                                                                                                                        | <b>19</b> |
| <b>Bảng 2.3. Kết quả khảo sát yêu cầu về kiến thức chuyên môn.....</b>                                                                                                                                      | <b>20</b> |
| <b>Bảng 2.4. Kết quả khảo sát yêu cầu về kỹ năng .....</b>                                                                                                                                                  | <b>21</b> |
| <b>Bảng 2.5. Kết quả khảo sát yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm .....</b>                                                                                                                             | <b>22</b> |
| <b>Bảng 2.6. Đội ngũ nhân lực tham gia chủ trì xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ.....</b>                                                                      | <b>24</b> |
| <b>Bảng 2.7: Đội ngũ nhân lực tham gia giảng dạy chương trình đào tạo .....</b>                                                                                                                             | <b>25</b> |
| <b>Bảng 2.8. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp....</b>                                                                                                                     | <b>26</b> |
| <b>Bảng 2.8. Danh mục cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....</b>                                                                                                                                  | <b>28</b> |
| <b>Bảng 2.10. Danh mục tạp chí phục vụ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế.....</b>                                                                                                             | <b>29</b> |
| <b>Bảng 2.11. Thống kê nguồn tài nguyên thông tin thư viện (đến tháng 11/2025) .....</b>                                                                                                                    | <b>30</b> |
| <b>Bảng 2.12. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ chương trình.....</b>                                                                                                                           | <b>32</b> |
| <b>Bảng 2.13. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Luật Kinh tế của Trường trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo .....</b> | <b>37</b> |

|                                                                                                                                |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Bảng 2.14. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Luật Kinh tế thực hiện .....</b> | <b>40</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|

## **PHẦN 1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

### **1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính – Marketing**

#### *1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển*

Trường Đại học Tài chính – Marketing tiền thân là Trường Cán bộ vật giá Trung ương tại miền Nam, được thành lập theo Quyết định số 210/VGNN-TCĐT ngày 01/9/1976 của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Năm 1978, Trường Cán bộ vật giá Trung ương tại miền Nam được đổi tên thành Trường Trung học Vật giá số 2 theo Quyết định số 175/VGNN-TCCB ngày 23/8/1978 của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Năm 1992, Trường Trung học Vật giá số 2 được đổi tên thành Trường Chuyên nghiệp Marketing (theo Quyết định số 37/VGNN-TCCB ngày 13/3/1992 của Ủy ban Vật giá Nhà nước). Ngày 04/11/1994, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 641/QĐ-TTg nâng cấp Trường lên thành Trường Cao đẳng Bán công Marketing, trực thuộc Ban Vật giá Chính phủ và từ năm 2003 trở đi thì trực thuộc Bộ Tài chính.

Năm 2004, Trường được nâng cấp đào tạo trình độ đại học với tên gọi Trường Đại học Bán công Marketing, trực thuộc Bộ Tài chính, theo Quyết định số 29/2004/QĐ-TTg, ngày 05/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2009, Trường đổi tên thành Trường Đại học Tài chính – Marketing (ĐHTCM) theo Quyết định số 395/QĐ-TTg, ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2015, Trường Đại học Tài chính – Marketing được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 – 2017 tại Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015, trở thành một trong năm trường đại học đầu tiên được giao thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị Quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ. Năm 2017, Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan sáp nhập vào Trường Đại học Tài chính - Marketing theo Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, Trường Đại học Tài chính – Marketing là cơ sở giáo dục đại học công lập được giao quyền tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

### ***Sứ mạng của Trường Đại học Tài chính – Marketing***

ĐHTCM có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

### ***Tầm nhìn Trường Đại học Tài chính – Marketing***

Đến năm 2045, Trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học hàng đầu khu vực Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành một trường đại học theo định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam; đồng thời là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý của Việt Nam và khu vực ASEAN.

### ***Triết lý giáo dục: “Thực chất – Đổi mới sáng tạo – Hội nhập”***

***(Substance - Innovation - Integration)***

### ***Mục tiêu phát triển của ĐHTCM***

Đến hết năm 2026, ĐHTCM trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng. Duy trì đạt chuẩn quốc gia cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 4 chương trình đạt chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến hết năm 2030, Trường sẽ đạt đẳng cấp Trường đại học uy tín của khu vực ASEAN. Đến hết năm 2045, ĐHTCM được xếp hạng trong top 500 trường đại học danh tiếng khu vực châu Á.

### ***Các giá trị cốt lõi của ĐHTCM***

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp*: Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức để đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm xã hội.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê*: ĐHTCM là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp ĐHTCM gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng - hiệu quả - bền vững*: Chất lượng – hiệu quả - bền vững vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu của mỗi một đơn vị, tổ chức, mỗi một giảng viên, viên chức, người học để ĐHTCM đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

#### ***Về hệ thống đảm bảo chất lượng***

Trường có mạng lưới các Tổ Đảm bảo chất lượng tại các đơn vị thuộc Trường và xây dựng mô hình đảm bảo chất lượng bên trong.

- Tháng 11/2017: Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục;

- Tháng 12/2019: Trường được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 2 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng) và 3 chuyên ngành chất lượng cao trình độ đại học (Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị marketing, Tài chính - Ngân hàng);

- Tháng 6/2022: Trường được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT trình độ đại học đối với 11 ngành (28 chuyên ngành);

- Tháng 4/2023, Trường được nhận Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục chu kỳ 2 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

- Tháng 9/2023, Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 6 chuyên ngành chất lượng cao trình độ đại học (cụ thể là 3 chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần ngành Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Marketing và 3 chương trình chất lượng cao ngành Tài chính – Ngân hàng, Kế toán và Kinh doanh quốc tế).

- Tháng 9/2024: Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 5 chương trình đào tạo đại học. Trong đó, có 2 CTĐT trình độ thạc sĩ (Quản trị kinh doanh và Tài chính - Ngân hàng); 2 CTĐT tích hợp trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh và Marketing, và 1 CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế.

- Tháng 10/2025: Trường vinh dự được kết nạp làm thành viên mới của Hội đồng Kiểm định các Trường và Chương trình Đào tạo Kinh doanh (ACBSP) – một tổ chức kiểm định uy tín toàn cầu trong lĩnh vực giáo dục kinh doanh.

Đến nay, Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình cải tiến chất lượng giáo dục. Và trong những năm tiếp theo, Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và phấn đấu đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

***Chiến lược phát triển ĐHTCM giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045***

(1) Chiến lược đổi mới mô hình quản trị gắn với chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0.

(2) Chiến lược phát triển đào tạo

(3) Chiến lược phát triển khoa học – công nghệ

(4) Chiến lược phát triển dịch vụ

(5) Chiến lược liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế

(6) Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu

(7) Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

(8) Chiến lược đảm bảo chất lượng

(9) Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

***1.1.2. Các ngành, trình độ đang đào tạo***

***a) Về trình độ, hình thức và ngành nghề đào tạo***

ĐHTCM đào tạo đa ngành, đa cấp độ với các bậc, hệ đào tạo như sau:

- Trình độ đào tạo: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Hình thức đào tạo: chính quy; vừa làm vừa học; liên thông đại học chính quy; liên thông đại học vừa làm vừa học; văn bằng 2; đào tạo từ xa; liên kết đào tạo với nước ngoài.

- Trường tiếp tục đào tạo các chương trình: đại trà (nay gọi chương trình chuẩn), chương trình áp dụng cơ chế đặc thù (lĩnh vực du lịch), chất lượng cao (nay là chương trình tích hợp), Chương trình tiếng Anh toàn phần và liên kết quốc tế trình độ đại học và sau đại học.

- Các ngành đào tạo:

+ Đào tạo đại học chính quy:

- Chương trình chuẩn và áp dụng cơ chế đặc thù: 18 ngành
- Chương trình tích hợp: 7 ngành
- Chương trình tiếng Anh toàn phần: 4 ngành
- Chương trình tài năng: 1 ngành

+ Đào tạo đại học VLVH

- Trình độ đại học: 5 ngành, gồm: Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng,

Marketing, Kế toán, Kinh doanh quốc tế.

- Liên thông cao đẳng – đại học (VLVH): 5 ngành, gồm: Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Marketing, Kế toán, Kinh doanh quốc tế.

- Đại học – đại học (VLVH): 6 ngành, gồm: Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Marketing, Kế toán, Kinh doanh quốc tế, Ngôn ngữ Anh.

- Đào tạo từ xa: 3 ngành, gồm: Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kế toán.

+ Đào tạo liên kết quốc tế

Hiện nay, ĐHTCM có hợp tác đào tạo với nhiều trường đại học có uy tín trên thế giới trong các lĩnh vực tài chính, kinh tế, kinh doanh và quản lý, kế toán,... Cụ thể như sau:

- Trình độ đại học: Liên kết với các Trường Đại học HELP (4 chuyên ngành), Đại học UCSI (1 ngành), Đại học Concord (3 chuyên ngành), Đại học Wisconsin – Stout (3 ngành), Đại học Thompson Rivers (2 ngành), Đại học West Of England Bristol (3 ngành), Đại học Rennes (1 ngành), Trường Rennes School Of Business (3 chuyên ngành).

- Sau đại học: Liên kết với Trường UCSI đào tạo chương trình Tiến sĩ Quản trị kinh doanh.

+ Đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ:

- ĐHTCM đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức trao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2011 với ngành Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng.

- Năm 2015, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng. Giai đoạn đầu, Trường chỉ được cấp 190 chỉ tiêu cho hai ngành. Những năm tiếp theo, Trường tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo tin nhiệm giao thêm chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ với số lượng năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: năm 2012 với 460 chỉ tiêu; năm 2013, 2014 với 600 chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ mỗi năm; từ năm 2015, với chủ trương chung là nâng cao chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ nên Trường duy trì qui mô 300 chỉ tiêu/năm. Trong giai đoạn 2014 – 2019, số lượng học viên cao học hơn 1.600 học viên, với gần 900 học viên tốt nghiệp, cho cả hai ngành Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng.

- Năm 2016, Nhà trường đã bắt đầu tuyển sinh trình độ tiến sĩ đầu tiên với 02 chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng theo chỉ tiêu cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 10 học viên mỗi ngành.

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo trình độ thạc sĩ với 5 ngành: Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Marketing và Kinh doanh quốc tế; đào tạo trình độ tiến sĩ với 2 ngành đào tạo là Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh.

Đến tháng 11/2025, quy mô Đại học – đại học (VLVH) đào tạo sau đại học là 1.261 người, trong đó có 179 nghiên cứu sinh và 1.082 học viên cao học.

*b) Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo*

Quy mô đào tạo tính đến tháng 11/2025 là 22.850 người học, trong đó có 179 nghiên cứu sinh và 1.082 học viên cao học, 18.699 sinh viên đại học chính quy, 1.765 sinh viên vừa làm vừa học, 1.125 sinh viên, học viên chương trình liên kết quốc tế.

Bảng 1.1. Quy mô đào tạo từ 2022-2025

| STT | Trình độ đào tạo                                                                                    | Năm 2022      | Năm 2023      | Năm 2024      | Năm 2025      | Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------------------------|
| 1   | Sau đại học                                                                                         | 642           | 803           | 1.045         | 1261          | 118,07                           |
| 1.1 | Tiến sĩ                                                                                             | 73            | 87            | 118           | 179           | 154,31                           |
| 1.2 | Thạc sĩ                                                                                             | 569           | 716           | 927           | 1082          | 113,66                           |
| 2   | Đại học                                                                                             | 19074         | 17.535        | 18.467        | 20.464        |                                  |
| 2.1 | Chính quy                                                                                           | 17.921        | 17.447        | 16.806        | 18.699        | 110,21                           |
|     | Chính quy tập trung                                                                                 | 17.833        | 17.359        | 16.806        | 18.699        | 110,21                           |
|     | Chương trình Tiếng Anh toàn phần (trước đây gọi là chương trình chất lượng cao Tiếng Anh toàn phần) | 333           | 352           | 392           | 793           | 200,25                           |
|     | Chương trình Tích hợp (trước đây gọi là chương trình chất lượng cao)                                | 6.406         | 6.523         | 6.564         | 9.453         | 142,49                           |
|     | Chương trình áp dụng cơ chế đặc thù                                                                 | 2.367         | 1.883         | 1.384         | 1.074         | 76,60                            |
|     | Chương trình chuẩn (trước đây gọi là chương trình đại trà)                                          | 8.727         | 8.554         | 8.372         | 7.231         | 85,69                            |
|     | Chương trình tài năng                                                                               | -             | 47            | 94            | 148           | 155,79                           |
|     | Liên thông chính quy                                                                                | 88            | 88            | -             |               | -                                |
| 2.2 | Vừa làm vừa học                                                                                     | 1.153         | 1.168         | 1.661         | 1.765         | 106,3                            |
| 3   | Chương trình liên kết quốc tế                                                                       | 1.251         | 1.091         | 1.065         | 1.125         | 105,6                            |
| 3.1 | Chương trình cử nhân                                                                                | 1.220         | 1.060         | 1.020         | 1.080         | 105,9                            |
| 3.2 | DBA-UCSI                                                                                            | 31            | 31            | 45            | 45            | 100                              |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                    | <b>20.967</b> | <b>19.429</b> | <b>20.577</b> | <b>22.850</b> |                                  |

### 1.1.3. Thống kê về số lượng tốt nghiệp

Số lượng sinh viên tốt nghiệp tăng qua các năm, có sự gia tăng đáng kể từ năm 2021 đến năm 2022, sau đó giảm nhẹ vào năm 2023 nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn nhiều so với năm 2021. Sự gia tăng này thể hiện qua hầu hết các chương trình đào tạo, đặc biệt là chương trình chất lượng cao. Chương trình chất lượng cao có sự biến động lớn, nếu năm 2021 chỉ có 198 sinh viên tốt nghiệp, thì năm 2022 – 2023 có sự gia tăng rất mạnh, mặc dù năm 2024 có sự sụt giảm, nhưng vẫn ở mức cao. Nhìn chung tính đến tháng 11/2025 tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ở hầu hết các chương trình đào tạo đều tăng so với năm trước (chi tiết tại Bảng 1.2).

Bảng 1.2. Bảng thống kê số liệu tốt nghiệp 5 năm gần nhất

| STT                | Trình độ đào tạo                                | Năm 2021     | Năm 2022     | Năm 2023     | Năm 2024     | Năm 2025     | Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước |
|--------------------|-------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------------------------|
| <b>Đại học</b>     |                                                 | <b>1.909</b> | <b>4.061</b> | <b>3.821</b> | <b>3.625</b> | <b>4.765</b> | <b>131,45</b>                    |
| 1                  | Chính quy tập trung                             | 1.711        | 3.665        | 3.622        | 3.537        | 4.724        | 133,56                           |
|                    | Chương trình đại trà/chuẩn                      | 1.472        | 2.549        | 1.933        | 1.853        | 2.342        | 126,39                           |
|                    | Chương trình đặc thù                            | -            | 331          | 490          | 533          | 724          | 135,83                           |
|                    | Chương trình chất lượng cao                     | 198          | 717          | 1.160        | 1.094        | 1.560        | 142,60                           |
|                    | Chương trình đặc biệt                           | 21           | 19           | -            | -            | -            | -                                |
|                    | Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần | 20           | 49           | 39           | 57           | 98           | 171,93                           |
|                    | Chương trình tài năng                           | -            | 19           | -            | -            | -            | -                                |
| 2                  | Liên thông chính quy                            | 198          | 396          | 199          | 88           | 41           | (46,59)                          |
| <b>Sau đại học</b> |                                                 | <b>147</b>   | <b>190</b>   | <b>173</b>   | <b>77</b>    | <b>93</b>    | <b>120,8</b>                     |
| 1                  | Thạc sĩ                                         | 147          | 184          | 164          | 72           | 86           | 119,44                           |
| 2                  | Tiến sĩ                                         | -            | 6            | 9            | 5            | 7            | 140,00                           |

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, 2025

#### 1.1.4. *Đội ngũ nhân sự*

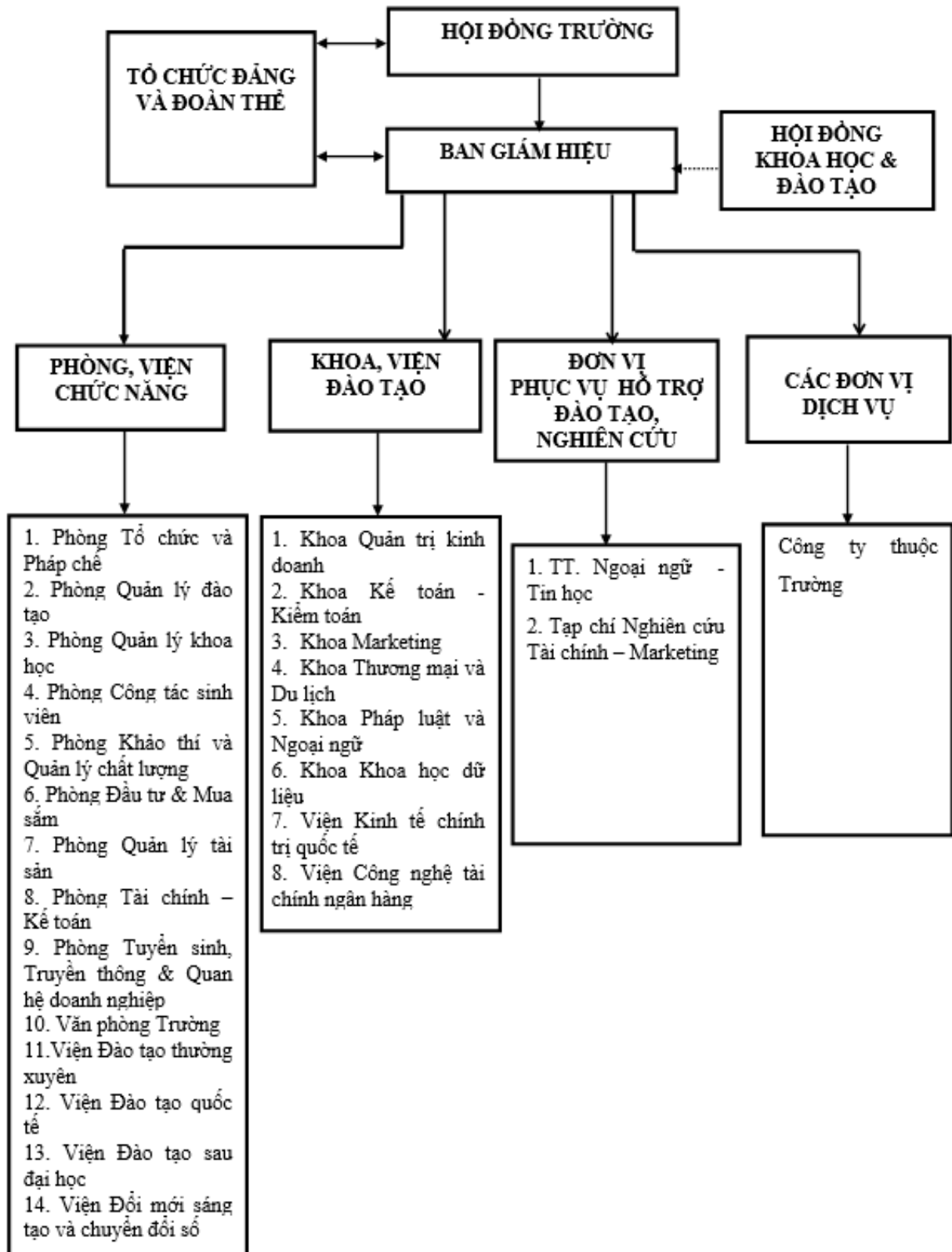
Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHTCM ban hành kèm theo Nghị Quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường và Nghị Quyết số 204/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: (1) Hội đồng trường; (2) Ban Giám Hiệu (BGH); (3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo; (4) Tổ chức Đảng và đoàn thể; (5) Các phòng, viện chức năng; (6) Các khoa, viện đào tạo; (7) Các đơn vị phục vụ, hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu; (8) Các đơn vị dịch vụ (chi tiết tại Hình 1.1)

Về đội ngũ nhân lực, tính đến tháng 11/2025, ĐHTCM gồm 807 viên chức, người lao động; trong đó: Giáo sư: 02 (chiếm tỷ lệ: 0,25%); Phó Giáo sư: 41 (chiếm tỷ lệ 5,08%); Tiến sĩ: 247 chiếm tỷ lệ 30,60%, Thạc sĩ: 378 chiếm tỷ lệ 46,8%; Đại học: 89 chiếm tỷ lệ 11,02% và 50 trình độ khác.

Tổng số giảng viên toàn thời gian của Trường hiện nay là 591 người. Trong đó: Giáo sư: 02, Phó Giáo sư: 41, Tiến sĩ: 247, Thạc sĩ: 299, Đại học: 02.

Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của Trường là 49,07%, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học có đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Tài chính – Marketing



## **1.2. Giới thiệu sơ lược về Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ**

### *1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển*

- Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Khoa kinh tế - Luật và Khoa Ngoại ngữ thành Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ theo Nghị Quyết số 206/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 03/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc hợp nhất Khoa Kinh tế - Luật và Khoa Ngoại ngữ thành Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing. Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ hiện nay có 3 bộ môn gồm: Bộ môn Pháp luật, Bộ môn Ngoại ngữ và Bộ môn Giáo dục thể chất.

- Bộ môn Pháp luật (trước đây là bộ môn Luật, thuộc Khoa Kinh tế - Luật) đảm nhận và thực thi nhiệm vụ quản lý 01 ngành đào tạo ở trình độ đại học là Luật Kinh tế. Hiện có 297 sinh viên các khóa đang theo học.

- Tính đến 11/2025, Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ có 81 giảng viên toàn thời gian, trong đó, có 76 giảng viên cơ hữu, 05 giảng viên diện hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và 01 viên chức làm nhiệm vụ thư ký khoa. Trong đó, có 09 giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm 11,11% và 72 giảng viên trình độ thạc sĩ (trong đó 13 giảng viên đang theo học nghiên cứu sinh tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước).

- Bộ môn Pháp luật có 16 giảng viên toàn thời gian (12 giảng viên cơ hữu và 04 giảng viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP). Trong đó, có 01 giáo sư, 04 tiến sĩ, và 11 thạc sĩ (trong đó, có 04 giảng viên đang học nghiên cứu sinh).

### *1.2.2. Chức năng của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ*

- Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ là đơn vị quản lý hành chính và chuyên môn đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, định hướng phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo của Khoa, của Trường; thực hiện đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng kiến thức các ngành, chuyên ngành; quản lý công tác chuyên môn, quản lý nhân sự và quản lý người học thuộc trách nhiệm và thẩm quyền được giao. Cụ thể như sau:

- Đề xuất với Ban Giám hiệu, Hiệu trưởng các quan điểm, giải pháp về xây dựng và phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học của Khoa, Trường.

- Đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc Khoa; đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo các trình độ, mở ngành, chuyên ngành đào tạo.

- Xây dựng chương trình đào tạo, chương trình dạy học của ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ; tổ chức thực hiện kế hoạch, phối hợp quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo sự phân công, phân cấp của Hiệu trưởng theo chương trình, kế hoạch chung của Trường; phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đào tạo sau đại học thuộc chuyên ngành đào tạo của Khoa.

- Nghiên cứu nhu cầu đào tạo trong xã hội để xây dựng kế hoạch phát triển ngành học, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- Phối hợp với các đơn vị quản lý đào tạo xác định các ngành, chuyên ngành đào tạo, quy mô đào tạo, đối tượng tuyển sinh, môn học bổ túc, bổ sung kiến thức và môn thi tuyển đầu vào đối với các hình thức, chương trình, bậc đào tạo của Trường.

- Tổ chức thực hiện các dự án đào tạo theo chương trình hợp tác quốc tế của Trường; chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan để mở rộng quan hệ và hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học của Khoa trình Hiệu trưởng quyết định; chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học - công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Khoa, tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành, tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế theo chương trình hợp tác của Trường; triển khai thực hiện các đề tài khoa học đã đăng ký hoặc được giao và các đề tài hợp tác với các cơ quan, đơn vị bên ngoài. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong chương trình, kế hoạch của Khoa và Trường. Hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các câu lạc bộ khoa học của Trường.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo do Khoa quản lý, biên soạn đề cương bài giảng, giáo trình và các tài liệu khác theo định hướng phát triển của Nhà trường; từng bước hoàn thiện mục tiêu, chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

- Quản lý giảng viên, viên chức hành chính thuộc Viện theo sự phân cấp của Hiệu trưởng; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ giảng viên; phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và viên chức thuộc Khoa; triển khai thực hiện các văn bản liên quan đến chế độ, chính sách đối với giảng viên và viên chức thuộc đơn vị.

- Quản lý người học thuộc các hình thức, chương trình, bậc đào tạo của Khoa; phối hợp với phòng chức năng đề xuất việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người học, đề xuất khen thưởng, kỷ luật người học thuộc Khoa; mời, tiếp phụ huynh và tiếp sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh hoặc đại diện cơ quan cử người đi học.

- Quản lý, điều hành, phối hợp hoạt động của các Bộ môn trực thuộc; phân định các giới hạn phạm vi chuyên môn, nội dung giảng dạy của các Bộ môn trực thuộc. Cụ thể hóa mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo của từng chuyên ngành trong Khoa nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện.

- Xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần; ra đề thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp thuộc Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ và duy trì kỷ luật lao động trong đơn vị. Tổ chức đánh giá xếp loại chất lượng viên chức thuộc Khoa và tham gia đánh giá viên chức quản lý trong Trường theo quy định, hướng dẫn của Nhà trường.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá công tác giảng dạy của giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng; thiết lập mối quan hệ với cựu sinh viên để thu thập thông tin cần thiết nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của Trường; thực hiện tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên và các doanh nghiệp có nhu cầu theo quy định của Trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động hợp tác và đối ngoại trong phạm vi chức năng, quyền hạn được giao; làm đầu mối thiết lập quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Khoa phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường.

- Tham gia các hoạt động tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- Thực hiện báo cáo tự đánh giá chất lượng, định kỳ rà soát, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo thuộc Khoa quản lý, tham gia tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học; xác lập và quản lý hồ sơ giảng dạy của giảng viên thuộc Khoa.

- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo định kỳ về nội dung hoạt động chuyên môn, tình hình và chất lượng giảng dạy của giảng viên, tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên thuộc thẩm quyền quản lý của Khoa.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất, trang thiết bị được giao (kể cả các phòng thực hành mô phỏng, phòng lab, trung tâm thực hành, ...); đề xuất bổ sung, bảo trì thiết bị dạy và học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học; thực hành tiết kiệm và chống lãng phí tại đơn vị.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Đầu tư và Mua sắm và các đơn vị liên quan xây dựng dự toán ngân sách hằng năm và kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo quy định của Trường.

- Phối hợp với các đơn vị khác thực hiện các công tác phát sinh trong quá trình hoạt động của Trường.

- Chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác không quy định cụ thể trên đây và phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện bảo đảm chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị và các đơn vị liên quan.

### 1.2.3. Cơ cấu tổ chức hành chính:

- Về cơ cấu tổ chức của Khoa Pháp luật và Ngoại Ngữ gồm:

- Hội đồng khoa: 07 thành viên.

- Lãnh đạo khoa: 01 Trưởng khoa và 02 Phó Trưởng khoa.

- Thư ký khoa: 01

- Các Bộ môn:

+ Bộ môn Pháp luật;

+ Bộ môn Ngoại ngữ;

+ Bộ môn Giáo dục thể chất.

Bảng 1.3. Cơ cấu giảng viên Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ phân theo Bộ môn

| STT | Bộ môn           | Số lượng giảng viên | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------|---------------------|-----------|
| 1   | Bộ môn Pháp luật | 16                  | 19,75     |
| 2   | Bộ môn Ngoại ngữ | 48                  | 59,26     |

| STT | Bộ môn                   | Số lượng giảng viên | Tỷ lệ (%)  |
|-----|--------------------------|---------------------|------------|
| 3   | Bộ môn Giáo dục thể chất | 17                  | 20,99      |
|     | <b>Tổng</b>              | <b>81</b>           | <b>100</b> |

*Nguồn: Báo cáo Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ, 2025*

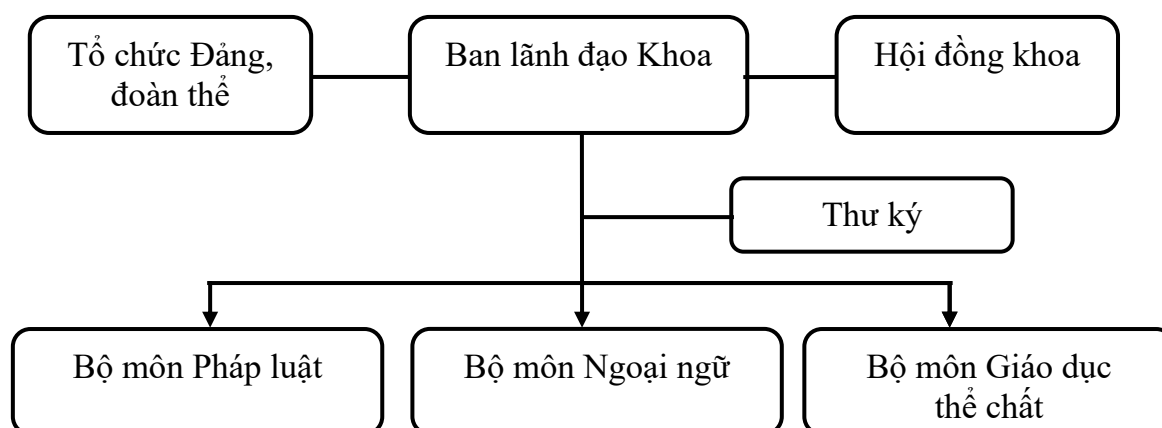
Bảng 1.4. Cơ cấu giảng viên Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ theo trình độ

| Trình độ         | Số người  | Tỷ lệ (%)  |
|------------------|-----------|------------|
| GS, PGS, tiến sĩ | 02        | 2,47       |
| Tiến sĩ          | 07        | 8,64       |
| Thạc sĩ          | 72        | 88,89      |
| <b>Tổng</b>      | <b>81</b> | <b>100</b> |

*Nguồn: Báo cáo Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ, 2025*

Bên cạnh đó, Khoa còn có chi bộ với 11 Đảng viên, tổ chức Công đoàn bộ phận Khoa và Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Khoa còn có Câu lạc bộ nghiên cứu trẻ là sân chơi học thuật bổ ích cho sinh viên yêu thích nghiên cứu khoa học và Câu lạc bộ tiếng Anh giúp nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên đang theo học các chuyên ngành đào tạo tại Khoa.

Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ



*Nguồn: Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ*

#### 1.2.4. Hoạt động đào tạo và NCKH

##### ❖ Hoạt động đào tạo:

Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ hiện nay được giao nhiệm vụ quản lý CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế và ngành Ngôn ngữ Anh. Các CTĐT của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ được xây dựng trên cơ sở những quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị

trường lao động. CTĐT được định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh và công khai theo quy định.

Đối với ngành Luật Kinh tế, thời gian qua ngành Luật Kinh tế đã đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập quốc tế. Các hoạt động tư vấn học tập và hoạt động hỗ trợ người học đa dạng, thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và tăng cường các kỹ năng của người học; Khoa cũng đã xúc tiến các hoạt động đào tạo, nghiên cứu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên. Trong đó, ngày càng chú trọng đến chất lượng đào tạo, quy mô chương trình đào tạo không ngừng tăng lên qua các năm. Cụ thể, CTĐT ngành Luật Kinh tế tuyển sinh năm 2021 với quy mô sinh viên các khóa như sau:

Bảng 1.5. Quy mô tuyển sinh ngành Luật Kinh tế giai đoạn 2021-2025

| Năm tuyển sinh | Tên lớp (khóa)      | Số lượng sinh viên | Tình trạng    | Ghi chú |
|----------------|---------------------|--------------------|---------------|---------|
| 2021           | 21DLD01             | 52                 | Đã tốt nghiệp |         |
| 2022           | 22DLD01             | 45                 | Đang đào tạo  |         |
| 2023           | 23DLD01             | 51                 | Đang đào tạo  |         |
| 2024           | 24DLD01             | 81                 | Đang đào tạo  |         |
| 2025           | 25DLD01,<br>25DLD02 | 120                | Đang đào tạo  |         |
| <b>Tổng</b>    |                     | <b>349</b>         |               |         |

*Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo 2021-2025*

Ngoài những môn học giảng dạy cho sinh viên thuộc các ngành của Khoa/Viện đào tạo, Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ còn đảm nhận giảng dạy những học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành cho sinh viên tất cả các ngành đào tạo trong nhà trường như: học phần Pháp luật đại cương, Luật Kinh doanh...

❖ Nghiên cứu khoa học:

Hàng năm, đội ngũ giảng viên của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ công bố hàng chục bài báo trên các tạp chí Khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong danh mục ISI, Scopus. Cụ thể số lượng được thể hiện trong Bảng 1.6 như sau:

Bảng 1.6. Số lượng công bố của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ

| Năm  | Số bài báo quốc tế | Số bài báo trong nước | Số bài hội thảo khoa học các cấp |
|------|--------------------|-----------------------|----------------------------------|
| 2021 | 1                  | 10                    | 22                               |
| 2022 | 0                  | 6                     | 8                                |
| 2023 | 1                  | 18                    | 39                               |
| 2024 | 7                  | 14                    | 19                               |
| 2025 | 33                 | 55                    | 30                               |

*Nguồn: Phòng Quản lý khoa học, 2021-2025*

Thêm vào đó, từ năm 2021 đến nay tập thể giảng viên Khoa đã tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Trường, biên soạn, nghiệm thu và đưa vào sử dụng làm giáo trình/tài liệu học tập. Cụ thể thể hiện ở Bảng 1.7 như sau:

Bảng 1.7. Số lượng giáo trình/đề tài giai đoạn 2021-2025

| Năm  | Giáo trình/tài liệu học tập | Đề tài cấp cơ sở (chủ nhiệm) |
|------|-----------------------------|------------------------------|
| 2021 | 03                          | 02                           |
| 2022 | 03                          | 03                           |
| 2023 | 05                          | 08                           |
| 2024 | 06                          | 05                           |
| 2025 | 01                          | 05                           |
| Tổng | 18                          | 23                           |

*Nguồn: Phòng Quản lý khoa học, 2021-2025*

Ngoài ra, hàng năm nhiều hội thảo khoa học từ cấp Khoa, cấp trường được tổ chức để chia sẻ các kết quả nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề pháp lý giữa các nhà khoa học... thông qua các hội thảo khoa học này uy tín khoa học của Khoa ngày càng được nâng lên, góp phần vào nâng cao uy tín của Nhà trường.

## PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo:

*2.1.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế hiện nay và trong thời gian tới:*

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, quá trình hội nhập quốc tế diễn ra sâu rộng và cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế đã trở thành một đòi hỏi cấp thiết. Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tài chính – ngân hàng, cũng như các tập đoàn đa quốc gia đều cần có đội ngũ chuyên gia am hiểu về Luật kinh tế để có thể tư vấn, xây dựng chiến lược phát triển, quản trị rủi ro pháp lý và đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra đúng quy định, minh bạch, bền vững. Thực tế cho thấy, nhiều tranh chấp thương mại, đầu tư, hay các vụ việc về cạnh tranh, phá sản, sở hữu trí tuệ, chứng khoán... đều đòi hỏi những chuyên gia có năng lực chuyên môn sâu về pháp luật kinh tế để giải quyết, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể kinh doanh và đảm bảo sự ổn định của môi trường đầu tư.

Trong khi đó, nguồn nhân lực pháp luật hiện nay mới chủ yếu dừng lại ở trình độ cử nhân, còn thiếu những chuyên gia ở tầm thạc sĩ được đào tạo bài bản về khả năng phân tích, nghiên cứu, và xử lý tình huống pháp lý phức tạp trong môi trường kinh tế hiện đại. Đặc biệt, Việt Nam đang ngày càng tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...), đòi hỏi đội ngũ pháp lý không chỉ nắm vững pháp luật trong nước mà còn phải hiểu biết sâu sắc về chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Do vậy, việc đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế có ý nghĩa chiến lược, nhằm hình thành nguồn nhân lực pháp lý vừa có nền tảng lý luận vững chắc, vừa có kỹ năng thực hành, đáp ứng chuẩn mực quốc tế.

Trường Đại học Tài chính – Marketing, với thế mạnh trong lĩnh vực tài chính, quản trị và marketing, có điều kiện thuận lợi để phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức pháp lý và yêu cầu thực tiễn kinh doanh. Việc mở ngành này không chỉ góp phần thực hiện sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của nền kinh tế đất nước, mà còn nâng cao vị thế, thương hiệu học thuật của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học. Chương trình thạc sĩ Luật Kinh tế tại Trường sẽ tạo ra đội ngũ học viên tốt nghiệp có đủ năng

lực để đảm nhận các vị trí quan trọng tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tổ chức nghiên cứu và tư vấn pháp luật, từ đó đóng góp trực tiếp vào sự phát triển bền vững của kinh tế – xã hội Việt Nam.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế tại Trường Đại học Tài chính – Marketing là hết sức cần thiết, kịp thời và có ý nghĩa thực tiễn to lớn, phù hợp với xu thế hội nhập và đáp ứng đúng nhu cầu nhân lực của xã hội hiện nay.

*2.1.2. Khảo sát, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế:*

Để bảo đảm tính khả thi và tính khoa học trong việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế, công tác khảo sát và phân tích nhu cầu nhân lực là bước đi hết sức quan trọng, đóng vai trò nền tảng cho mọi quyết định về mục tiêu, nội dung và phương thức đào tạo. Việc khảo sát không chỉ giúp xác định rõ khoảng trống giữa nguồn nhân lực hiện có và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, mà còn góp phần định hướng cho Trường Đại học Tài chính – Marketing trong việc xây dựng chương trình phù hợp, hiện đại và có tính cạnh tranh. Thực tiễn đào tạo sau đại học tại Việt Nam cho thấy, nhiều chương trình chỉ thực sự thành công khi được triển khai trên cơ sở có nghiên cứu và dự báo nhu cầu xã hội một cách đầy đủ, khách quan và khoa học.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, yêu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực Luật Kinh tế ngày càng đa dạng và khắt khe. Các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ quan quản lý nhà nước và các nhà đầu tư nước ngoài đều có những kỳ vọng cụ thể đối với đội ngũ nhân sự có trình độ thạc sĩ Luật Kinh tế, không chỉ dừng lại ở kiến thức pháp luật chuyên ngành mà còn phải có năng lực tư duy phản biện, phân tích, hoạch định chiến lược và khả năng xử lý tình huống pháp lý phức tạp. Do đó, việc khảo sát nhu cầu nhân lực sẽ cho thấy rõ ràng hơn yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với năng lực người học sau khi tốt nghiệp, từ đó Nhà trường có thể định hình chuẩn đầu ra phù hợp.

Ngoài ra, công tác khảo sát còn giúp xác định quy mô và phạm vi của thị trường lao động dành cho nhân lực có trình độ thạc sĩ Luật Kinh tế. Đây là cơ sở để dự báo số lượng học viên tiềm năng, đồng thời đánh giá khả năng cạnh tranh và định vị thương

hiệu của chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục đại học. Những kết quả khảo sát này không chỉ phục vụ cho giai đoạn thiết kế chương trình mà còn là căn cứ để Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển lâu dài, đảm bảo rằng sản phẩm đào tạo – tức người học sau khi tốt nghiệp – thực sự đáp ứng nhu cầu thực tiễn và có khả năng đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Từ những lý do trên, có thể khẳng định rằng việc tiến hành khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực thạc sĩ Luật Kinh tế là nhiệm vụ cần thiết, mang tính tiên đề và không thể thiếu trong quá trình chuẩn bị mở ngành. Đây là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để Trường Đại học Tài chính – Marketing triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế một cách đúng hướng, khả thi và bền vững.

Nhóm nghiên cứu của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ đã tiến hành khảo sát 51 cơ quan, doanh nghiệp gồm các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu; doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ tư pháp từ tháng 8/2025 đến tháng 9/2025.

Bảng 2.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

| Loại hình đơn vị                    | Số lượng (đơn vị) | Tỷ lệ (%)  |
|-------------------------------------|-------------------|------------|
| Cơ quan nhà nước                    | 3                 | 5,9        |
| Tổ chức hỗ trợ tư pháp              | 4                 | 7,8        |
| Doanh nghiệp                        | 18                | 35,3       |
| Cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu | 19                | 37,3       |
| Đơn vị sự nghiệp công lập           | 7                 | 13,7       |
| <b>Tổng</b>                         | <b>51</b>         | <b>100</b> |

\* Về nhu cầu nhân sự ngành Luật Kinh tế

Kết quả khảo sát cho thấy có 7% người học muốn học cao học Luật Kinh tế ngay; 45% có nhu cầu học trong thời gian tới; 34,5% đang cân nhắc và chỉ 13,8% không có nhu cầu.

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát về nhu cầu nhân sự liên quan

| Nhu cầu                         | Số người trả lời | Tỷ lệ       |
|---------------------------------|------------------|-------------|
| Có nhu cầu ngay                 | 02               | 6,9         |
| Dự định học trong thời gian tới | 13               | 44,8        |
| Đang cân nhắc                   | 10               | 34,5        |
| Không có nhu cầu                | 4                | 13,8        |
| <b>Tổng</b>                     | <b>29</b>        | <b>100%</b> |





\* Về yêu cầu về kỹ năng

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

| Nội dung khảo sát                                                                                                                                                                                                                                           | Không cần thiết | Ít cần thiết | Cần thiết vừa phải | Khá cần thiết | Rất cần thiết | Tổng |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|---------------|---------------|------|
| Đề xuất những sáng kiến quan trọng phục vụ các quyết định quản trị và tư vấn pháp luật;                                                                                                                                                                     | 1,9%            | 3,9%         | 15,4%              | 34,6%         | 44,2%         | 100% |
| Tìm ra những kết luận mang tầm chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh, thương mại                                                                                                                                                                   | 1,9%            | 7,6%         | 24,5%              | 26,4%         | 36,6%         | 100% |
| Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác                                                                                                                                                                                                           | 1,9%            | 1,9%         | 20,8%              | 32,1%         | 43,4%         | 100% |
| Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp phục vụ môi trường kinh doanh tiên tiến, hội nhập                                                                                                                                  | 0%              | 4,3%         | 21,2%              | 31,9%         | 42,6%         | 100% |
| Ngoài ra, có 02 ý kiến cho rằng, bên cạnh các chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm như trên, người học cần có thái độ chịu khó học hỏi, trách nhiệm cao với công việc được giao, phụng sự Tổ quốc và cộng đồng, bảo vệ lẽ phải; tự chịu trách nhiệm |                 |              |                    |               |               |      |

\* Phạm vi thị trường nhân lực

- Khu vực công: Như cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp về kinh tế, thương mại; các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu, thạc sĩ luật kinh tế thực hiện vai trò của công chức ngạch chuyên viên, hoặc chuyên viên chính hoặc chuyên viên cao cấp; hoặc công chức ngạch thẩm phán, chấp hành viên, kiểm sát viên...

- Khu vực tư: Như doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tổ chức hỗ trợ tư pháp, thạc sĩ Luật Kinh tế thực hiện vai trò của luật sư, công chứng viên, thừa phát lại, trọng tài viên, quản tài viên...

- Tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ: Như UNDP, WB, ADB, JICA, KOICA, thạc sĩ Luật Kinh tế thực hiện vai trò của chuyên viên pháp lý cấp cao.

*2.1.3. Phân tích xu hướng phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước:*

*Thứ nhất, gắn với sứ mạng của Nhà trường*

Trường Đại học Tài chính – Marketing xác định sứ mạng là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực tài chính, marketing, quản trị và pháp luật, phục vụ sự phát triển bền vững của nền kinh tế và xã hội. Việc xây dựng ngành đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế chính là sự cụ thể hóa sứ mạng đó, bởi chương trình đào tạo này hướng đến việc hình thành đội ngũ chuyên gia pháp lý am hiểu sâu sắc về luật kinh tế, có khả năng tư vấn, quản trị rủi ro và giải quyết tranh chấp trong môi trường kinh doanh hiện đại. Đây là đóng góp thiết thực vào việc cung cấp nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của thị trường lao động.

*Thứ hai, gắn với mục tiêu phát triển của Nhà trường*

Mục tiêu trọng tâm của Trường là nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng ứng dụng, đảm bảo sinh viên và học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc ngay, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện và phân tích pháp lý. Việc mở ngành thạc sĩ Luật Kinh tế góp phần hoàn thiện hệ thống đào tạo từ bậc cử nhân đến sau đại học, tạo nên chuỗi giá trị đào tạo liên tục và toàn diện. Qua đó, Nhà trường không chỉ đáp ứng được nhu cầu nhân lực hiện tại mà còn góp phần nâng tầm chất lượng nguồn nhân lực pháp lý trong tương lai.

*Thứ ba, gắn với tầm nhìn của Nhà trường*

Trường Đại học Tài chính – Marketing đặt mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á. Trong tầm nhìn đó, việc phát triển ngành đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế sẽ giúp Nhà trường nâng cao vị thế học thuật, mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo pháp luật kinh tế. Đồng thời, chương trình này cũng góp phần thu hút học viên trong và ngoài nước, tạo dựng thương hiệu quốc tế, từng bước khẳng định vai trò tiên phong trong đào tạo nhân lực pháp lý gắn với kinh tế thị trường và hội nhập toàn cầu.

*Thứ tư, gắn với chiến lược phát triển của Nhà trường*

Chiến lược phát triển của Trường nhấn mạnh đến tính liên ngành, tăng cường gắn kết đào tạo với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và xã hội, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng. Ngành thạc sĩ Luật Kinh tế là sự kết hợp chặt chẽ giữa pháp

luật và kinh tế, tài chính, quản trị, marketing, từ đó tạo ra một chương trình mang tính ứng dụng cao, đáp ứng đúng định hướng chiến lược. Đây sẽ là nền tảng để Trường vừa đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn sâu, vừa nâng cao năng lực nghiên cứu, qua đó đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Ngành đào tạo theo Danh mục mã ngành cấp IV (được ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học)

Ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ đã được cấp mã ngành đào tạo theo Thông tư số 09/2022/BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Mã ngành là 8380107

## **2.2. Năng lực của cơ sở đào tạo**

### *2.2.1. Đội ngũ giảng viên*

DHTCM đảm bảo đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và chất lượng để tham gia chủ trì xây dựng và thực hiện CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế. Cụ thể, DHTCM có 01 Phó giáo sư ngành phù hợp và 04 giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ ngành phù hợp tham gia chủ trì thực hiện chương trình đào tạo. Trong đó, PGS.TS. Đào Xuân Hội là giảng viên cơ hữu ngành phù hợp đủ điều kiện chủ trì ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ.

Bảng 2.6. Đội ngũ nhân lực tham gia chủ trì xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ

| STT | Họ và tên           | Học hàm, năm phong | Học vị, năm tốt nghiệp  | Ngành/Chuyên ngành    |
|-----|---------------------|--------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1   | Đào Xuân Hội        | Phó Giáo sư, 2025  | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017 | Luật/Luật kinh tế     |
| 2   | Phạm Thị Hồng Nhung |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2016 | Luật kinh tế          |
| 3   | Tô Thị Đông Hà      |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023 | Luật kinh tế          |
| 4   | Nguyễn Tú           |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2013 | Luật học/Luật kinh tế |
| 5   | Phạm Thị Thi        |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2021 | Luật kinh tế          |
| 6   | Phạm Thị Hạnh       |                    | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017 | Luật/Luật kinh tế     |

Bên cạnh đó, ĐHTCM có 24 giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên ngành phù hợp tham gia giảng dạy các học phần thuộc chương trình đào tạo. Đồng thời đảm bảo đủ đội ngũ giảng viên tham gia hướng dẫn đề án/luận văn tốt nghiệp.

Bảng 2.7: Đội ngũ nhân lực tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

| STT | Họ và tên                  | Học hàm,<br>năm phong | Học vị, năm tốt<br>nghệ         | Ngành/<br>Chuyên ngành                      |
|-----|----------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|
| 1   | Đào Xuân Hội               | Phó giáo sư,<br>2025  | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2017      | Luật/Luật kinh tế                           |
| 2   | Phạm Thị Hồng Nhung        |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2016      | Luật Kinh tế                                |
| 3   | Tô Thị Đông Hà             |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2023      | Luật Kinh tế                                |
| 4   | Nguyễn Tú                  |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2013      | Luật học/Luật kinh tế                       |
| 5   | Phạm Thị Thi               |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2021      | Luật Kinh tế                                |
| 6   | Phạm Thị Hạnh              |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2021      | Luật Kinh tế                                |
| 7   | Chu Văn Hùng               |                       | Tiến sĩ, Liên bang<br>Nga, 2021 | Luật học                                    |
| 8   | Đàm Bích Hiên              |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2008      | Luật học                                    |
| 9   | Nguyễn Bình An             |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2018      | Luật học                                    |
| 10  | Khúc Thị Trang Nhung       |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2025      | Luật học                                    |
| 11  | Nguyễn Văn Pha             |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2021      | Lý luận và lịch sử nhà<br>nước và pháp luật |
| 12  | Nguyễn Thị Thương<br>Huyền |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2010      | Luật học                                    |
| 13  | Lê Thị Hà                  |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2006      | Luật dân sự và tổ tụng<br>dân sự            |
| 14  | Đỗ Văn Dương               |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2014      | Luật học                                    |
| 15  | Trương Công Am             | Giáo sư,<br>2010      | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2000      | Luật học                                    |
| 16  | Hoàng Thị Việt Anh         |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2016      | Lý luận và lịch sử nhà<br>nước và pháp luật |
| 17  | Nguyễn Phi Hùng            |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2008      | Luật học                                    |
| 18  | Nguyễn Quang Long          |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2021      | Luật học                                    |
| 19  | Trần Đình Nhã              | Phó giáo sư,<br>2002  | Tiến sĩ, Liên bang<br>Nga, 1988 | Luật học                                    |
| 20  | Lê Thị Hương               | Phó giáo sư,<br>2010  | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2003      | Luật học                                    |

| STT | Họ và tên       | Học hàm,<br>năm phong | Học vị, năm tốt<br>nghệp | Ngành/<br>Chuyên ngành |
|-----|-----------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| 21  | Nguyễn Tấn Hưng |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2009  | Triết học              |
| 22  | Lại Văn Nam     |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2020  | Triết học              |
| 23  | Trần Đình Phụng |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017  | Toán học               |
| 24  | Nguyễn Tuấn Duy | Phó giáo sư,<br>2023  | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018  | Toán giải tích         |

Bảng 2.8. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp

| STT | Họ và tên               | Học hàm,<br>năm phong | Học vị, năm tốt<br>nghệp     | Ngành/<br>Chuyên ngành                   |
|-----|-------------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Đào Xuân Hội            | Phó giáo sư,<br>2025  | Tiến sĩ, Việt Nam, 2017      | Luật/Luật kinh tế                        |
| 2   | Phạm Thị Hồng Nhung     |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2016      | Luật Kinh tế                             |
| 3   | Tô Thị Đông Hà          |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2023      | Luật Kinh tế                             |
| 4   | Nguyễn Tú               |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2013      | Luật học/Luật kinh tế                    |
| 5   | Phạm Thị Thi            |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2021      | Luật Kinh tế                             |
| 6   | Phạm Thị Hạnh           |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2021      | Luật Kinh tế                             |
| 7   | Chu Văn Hùng            |                       | Tiến sĩ, Liên bang Nga, 2021 | Luật học                                 |
| 8   | Đàm Bích Hiền           |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2008      | Luật học                                 |
| 9   | Nguyễn Bình An          |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2018      | Luật học                                 |
| 10  | Khúc Thị Trang Nhung    |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2025      | Luật học                                 |
| 11  | Nguyễn Văn Pha          |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2021      | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |
| 12  | Nguyễn Thị Thương Huyền |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2010      | Luật học                                 |
| 13  | Lê Thị Hà               |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2006      | Luật dân sự và tổ tụng dân sự            |
| 14  | Đỗ Văn Dương            |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2014      | Luật học                                 |
| 15  | Trương Công Am          | Giáo sư,<br>2010      | Tiến sĩ, Việt Nam, 2000      | Luật học                                 |
| 16  | Hoàng Thị Việt Anh      |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2016      | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |
| 17  | Nguyễn Phi Hùng         |                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2008      | Luật học                                 |

| STT | Họ và tên         | Học hàm,<br>năm phong | Học vị, năm tốt<br>nghệp         | Ngành/<br>Chuyên ngành |
|-----|-------------------|-----------------------|----------------------------------|------------------------|
| 18  | Nguyễn Quang Long |                       | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2021       | Luật học               |
| 19  | Trần Đình Nhã     | Phó giáo sư,<br>2002  | Tiến sĩ, Liêng<br>bang Nga, 1988 | Luật học               |
| 20  | Lê Thị Hương      | Phó giáo sư,<br>2010  | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2003       | Luật học               |

### 2.2.2. Năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học về Luật Kinh tế

Trường Đại học Tài chính – Marketing đã bắt đầu đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ đại học từ năm 2021, chương trình đã được kiểm định chất lượng năm 2024, đã có 51 sinh viên tốt nghiệp. Tổng quy mô đào tạo ngành này hiện nay là 297 sinh viên.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình còn tham gia thực hiện đề tài, sách và bài báo khoa học lĩnh vực Luật kinh tế.

### 2.2.3. Cơ sở vật chất

❖ Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu

DHTCM hiện có trụ sở chính tại 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với 4 cơ sở phụ trợ tại các địa điểm:

- 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận, TP. HCM
- 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Tân Sơn Hòa, TP. HCM
- 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Tân Sơn Hòa, TP. HCM
- 306 Võ Văn Hát, phường Long Trường, TP. HCM

Cơ sở vật chất và trang thiết bị: Các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng được trang bị đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống thiết bị và công nghệ thông tin được duy tu, bảo trì và nâng cấp thường xuyên theo quy định nhằm đảm bảo vận hành ổn định và hiệu quả. Thư viện được bố trí riêng biệt tại 3 cơ sở: 778 Nguyễn Kiệm, 306 Võ Văn Hát và 27 Tân Mỹ, với không gian rộng rãi, thoáng mát, hiện đại. Thư viện trang bị công cụ tra cứu hiện đại, có nội quy và hướng dẫn sử dụng rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và học tập. Trường ban hành và triển khai thực hiện các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường làm việc, an toàn sức khỏe, an ninh và an toàn thực phẩm. Khuôn viên rộng rãi phục vụ cho các hoạt động thể chất, y tế, cùng hệ thống căn tin hiện đại, đặc biệt tại cơ sở 306 Võ Văn Hát.

Bảng 2.9. Danh mục cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

| STT | Hạng mục                                                                                                               | Số lượng | Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Học phần /môn học | Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học) | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu |          |                                          |                   |                                     |         |
| 1.1 | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ                                                                                 | 4        | 2.968                                    | Các môn lý thuyết | HK 1 - HK3                          |         |
| 1.2 | Phòng học từ 100 - 200 chỗ                                                                                             | 8        | 1.421                                    | Các môn lý thuyết | HK 1 - HK3                          |         |
| 1.3 | Phòng học từ 50 - 100 chỗ                                                                                              | 150      | 11.009                                   | Các môn lý thuyết | HK 1 - HK3                          |         |
| 1.4 | Số phòng học dưới 50 chỗ                                                                                               | 76       | 5.344                                    | Các môn lý thuyết | HK 1 - HK3                          |         |
| 1.5 | Số phòng học đa phương tiện                                                                                            |          |                                          |                   |                                     |         |
| 1.6 | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian                                                     | 7        | 6.704                                    |                   |                                     |         |
| 2   | Thư viện, trung tâm học liệu                                                                                           | 3        | 3.745                                    |                   |                                     |         |
| 3   | Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập                              | 12       | 21.616                                   |                   |                                     |         |

*Nguồn: Phòng Quản lý tài sản, 2025*

Hiện nay, Trường, các Viện và các khoa chuyên môn đảm nhận giảng dạy CTĐT ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Các lớp của chương trình được bố trí, sắp xếp lịch giảng dạy và học tập tại cơ sở 778 phường Đức Nhuận, Tp.HCM của Trường, với các phòng học có sức chứa từ 56m<sup>2</sup> đến 81m<sup>2</sup>.

Trang thông tin điện tử công khai các nội dung theo quy định của Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ:

- <https://khoakinhteluat.ufm.edu.vn/>
- <https://ufm.edu.vn>.

❖ Thư viện truyền thống:

Thư viện Trường có 03 cơ sở với tổng diện tích 3.745 m<sup>2</sup> với 800 chỗ ngồi. Ngoài ra, thư viện còn bố trí 08 phòng học nhóm, phục vụ nhu cầu học tập và trao đổi của sinh viên theo nhóm từ 5 đến 7 người, thông qua hình thức đăng ký sử dụng.

Bảng 2.10. Danh mục tạp chí phục vụ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế

| STT | Tên tạp chí                 | Cơ quan chủ quản                             | Mã ISSN        | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------|----------------|---------|
| 1   | Đầu tư chứng khoán          | Bộ Tài chính                                 |                |         |
| 2   | Diễn đàn doanh nghiệp       | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam | Báo tờ         |         |
| 3   | Forbes Vietnam              | Forbes Vietnam, hiện nay là PHC Media        | 1733-7291      |         |
| 4   | Kinh tế và Dự báo           | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                        | 1859-4972      |         |
| 5   | Kinh tế & Phát triển        | Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam                | 1859-0012      |         |
| 6   | Kinh tế Việt Nam & Thế giới | Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam                | 0866-7489      |         |
| 7   | Khoa học & Phát triển       | Bộ Khoa học và Công nghệ                     | Báo tờ         |         |
| 8   | Kinh tế Sài Gòn             | Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh               | 0868-3344      |         |
| 9   | Ngân hàng                   | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                  | 2815-6048      |         |
| 10  | Thuế Nhà nước               | Tổng cục Thuế                                | 1859-0756      |         |
| 11  | The Saigon Times Weekly     | Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh               | 0868-3344      |         |
| 12  | Vietnam Economic News       | Bộ Công Thương                               | 8936023-870011 |         |
| 13  | Vietnam Economic Review     | Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới           | 0868-2984      |         |
| 14  | Bảo vệ Pháp luật            | Viện Kiểm soát Nhân dân Tối cao              | 3030-4202      |         |
| 15  | Luật học                    | Trường Đại học Luật Hà Nội                   | 0868-3522      |         |
| 16  | Nhà nước và Pháp luật       | Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam        | 0866-7446      |         |
| 17  | Nghiên cứu lập pháp         | Viện Nghiên cứu lập pháp                     | 1859-2953      |         |
| 18  | Kiểm toán                   | Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam            | 1859-1914      |         |
| 19  | Kế toán và Kiểm toán        | Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam            | 1859-1914      |         |
| 20  | An toàn Thông tin           | Bộ Thông tin và Truyền thông                 | 1859-1256      |         |

| STT | Tên tạp chí                   | Cơ quan chủ quản                                      | Mã ISSN   | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 21  | Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh | Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh                       | 2615-9627 |         |
| 22  | Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam   | Viện Nghiên cứu văn hóa                               | 0866-7667 |         |
| 23  | Lý luận chính trị             | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh               | 1859-4485 |         |
| 24  | Lịch sử Đảng                  | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh               | 2815-6013 |         |
| 25  | Triết học                     | Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | 1011-9833 |         |
| 26  | Tài nguyên & Môi trường       | Bộ Tài nguyên và Môi trường                           | Báo tờ    |         |

Nguồn: Thư viện, 2025

Để phục vụ công tác giảng dạy và đào tạo trình độ thạc sĩ, Thư viện Trường cung cấp các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; các giáo trình, tài liệu học tập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; các luận văn, luận án tốt nghiệp của các khóa, các chương trình đào tạo khác để đáp ứng nhu cầu tham khảo của nghiên cứu sinh. Cụ thể như sau:

Bảng 2.11. Thống kê nguồn tài nguyên thông tin thư viện (đến tháng 11/2025)

| STT       | Loại tài liệu              | Số lượng |        | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|----------|--------|---------|
|           |                            | Số tựa   | Số bản |         |
| <b>I</b>  | <b>Tài liệu dạng in</b>    |          |        |         |
| 1         | Sách, chuyên đề tốt nghiệp | 20.486   | 60.849 |         |
| 2         | Luận văn Thạc sĩ           | 2.937    | 2.988  |         |
| 3         | Luận án Tiến sĩ            | 18       | 18     |         |
| 4         | Báo - tạp chí              | 42       | 42     |         |
| <b>II</b> | <b>Tài liệu số</b>         |          |        |         |
| 1         | Sách, nghiên cứu khoa học  | 168      |        |         |
| 2         | Luận văn Thạc sĩ           | 2.107    |        |         |
| 3         | Luận án Tiến sĩ            | 18       |        |         |
| 4         | Chuyên đề tốt nghiệp       | 345      |        |         |

Nguồn: Thư viện, 2025

#### 2.2.4. Công nghệ và học liệu

##### ❖ Công nghệ:

Trường đã trang bị hệ thống máy tính và phần mềm phục vụ công tác đào tạo. Rất nhiều tài liệu được sử dụng trên kênh tài liệu điện tử từ cổng Thư viện điện tử của Trường, các tài liệu là các đầu sách hay, chất lượng được lựa chọn và được Nhà trường thông qua.

Phục vụ công tác giảng dạy và đào tạo, Thư viện Trường cung cấp các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; các giáo trình, tài liệu học tập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; các luận văn tốt nghiệp của các khóa trước để đáp ứng nhu cầu tham khảo của người học. Nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin khoa học của giảng viên và người học, Thư viện đã đăng ký gói sử dụng và khai thác dịch vụ từ cổng truy cập nguồn tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để giúp bạn đọc truy cập mọi cơ sở dữ liệu khoa học trong nước và quốc tế, bao gồm Science Direct.

ĐHTCM đã chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin với việc trang bị hệ thống máy tính và phần mềm chuyên dụng nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo.

Bên cạnh đó, Thư viện của Trường được xây dựng và phát triển với nguồn tài liệu đa dạng, bao gồm tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, giáo trình và tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, cùng với các khóa luận tốt nghiệp của những khóa trước, qua đó đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học. Đặc biệt, để mở rộng khả năng tiếp cận và khai thác tri thức khoa học, Thư viện đã đăng ký sử dụng nguồn tin điện tử do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia (NASATI) cung cấp, cho phép giảng viên và người học tiếp cận các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín trong và ngoài nước, trong đó có Science Direct.

Trường có thể tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Nhà trường tổ chức giảng dạy trực tuyến trên phần mềm đã mua bản quyền là Microsoft Teams. Nhà trường có hệ thống học tập trực tuyến và e-learning cho phép giảng viên và người học quản lý tài liệu học tập, bài tập, và theo dõi tiến độ giảng dạy học tập. Công cụ hội thảo trực tuyến như Zoom, Microsoft Teams hỗ trợ giảng dạy và học tập từ xa, tổ chức các buổi thảo luận nhóm và các lớp học trực tuyến.

## ❖ Học liệu

Bảng 2.12. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ chương trình

| STT | Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)                                                                      | Tên tác giả                                   | Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước | Sử dụng cho học phần                               |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn) | ĐH Quốc gia Hà Nội                            | Chính trị Quốc gia sự thật, 2018 | Triết học                                          |
| 2   | The Concept of Law (3rd ed.).                                                                                          | Hart, H. L. A.                                | Oxford University Press, 2012    | Triết học                                          |
| 3   | Phương pháp nghiên cứu luật học                                                                                        | Phạm Duy Nghĩa                                | Công an nhân dân, 2014           | Phương pháp nghiên cứu khoa học                    |
| 4   | Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật                                                                            | Trường Đại học Luật Hà Nội (Nguyễn Minh Đoan) | Chính trị quốc gia Sự thật, 2019 | Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại            |
| 5   | Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam - Tập 1                                                                            | Trường Đại học Luật Hà Nội Tp. Hồ Chí Minh    | Tư pháp, 2024                    | Pháp luật về hợp đồng thương mại*                  |
| 6   | The law of artificial intelligence (2nd ed.)                                                                           | Hervey, M., & Lavy, M.                        | Sweet & Maxwell, 2024            | Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo         |
| 7   | Giáo trình Pháp luật về Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng                                                | Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh           | Hồng Đức, 2023                   | Pháp luật về hợp đồng thương mại *                 |
| 8   | Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 2)                                                                                | Trường Đại học Luật Hà Nội                    | Tư pháp, 2022                    | Pháp luật về hợp đồng thương mại *                 |
| 9   | Giáo trình Luật cạnh tranh                                                                                             | Trường Đại học Luật Hà Nội                    | Công an nhân dân, 2020           | Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao |
| 10  | Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ                                                                                         | Trường Đại học Luật Hà Nội                    | Công an nhân dân, 2021           | Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số   |
| 11  | Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ                                                                                         | Trường Đại học Luật TPHCM                     | Công an nhân dân, 2025           | Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số   |
| 12  | Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam                                                                                     | Trường Đại học Luật Hà Nội                    | Công an nhân dân, 2021           | Pháp luật về công nghệ tài chính                   |
| 13  | Giáo trình luật thuế Việt Nam                                                                                          | Trường Đại học Luật Hà Nội                    | Công an nhân dân, 2018           | Pháp luật về thuế trong kinh doanh*                |
| 14  | Commercial Dispute Resolution                                                                                          | Mills, M                                      | Thomson Reuters, 2018            | Giải quyết tranh chấp thương mại*                  |

| STT | Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)                                                   | Tên tác giả                                         | Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước | Sử dụng cho học phần                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 15  | Birds' modern insurance law (11th ed.)                                                              | Birds, J.                                           | Sweet & Maxwell, 2019            | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                            |
| 16  | Pháp luật Thương mại điện tử                                                                        | Lê thị tuyết Hà (ĐH Mở TPHCM)                       | ĐH Quốc gia TPHCM, 2024          | Pháp luật về thương mại điện tử                          |
| 17  | Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam                                                                  | Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh                 | Chính trị quốc gia, 2021         | Pháp luật về thị trường vốn                              |
| 18  | Giáo trình luật ngân sách nhà nước                                                                  | Trường Đại học Luật Hà Nội                          | Công an nhân dân, 2018           | Pháp luật về thị trường vốn                              |
| 19  | Giáo trình Luật chứng khoán                                                                         | Trường Đại học Luật Hà Nội                          | Công an nhân dân, 2022           | Pháp luật về thị trường vốn                              |
| 20  | Giáo trình Thanh toán quốc tế và Tài trợ Ngoại thương                                               | Nguyễn Văn Tiến và Nguyễn Thị Hồng Hải              | ĐH Kinh tế quốc dân, 2021        | Pháp luật về thị trường vốn                              |
| 21  | Giáo trình Luật thương mại quốc tế                                                                  | Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Tú                         | Hồng Đức, 2025                   | Luật thương mại quốc tế nâng cao                         |
| 22  | Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh                                                         | Trường Đại học Kinh tế quốc dân                     | Thống kê, 2006                   | Luật thương mại quốc tế nâng cao                         |
| 23  | Giáo trình Luật đầu tư                                                                              | Trường Đại học Luật Hà Nội                          | Tư pháp, 2022                    | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 24  | Principles of International Investment Law (2nd ed.)                                                | Dolzer, R., & Schreuer, C.                          | Oxford University Press, 2012    | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 25  | International trade and investment dispute settlement: From rise to crisis and reform.              | Sacerdoti, G., & Moran, N.                          | Routledge, 2025                  | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 26  | Pháp lý M&A căn bản                                                                                 | Trương Hữu Ngữ                                      | Công Thương, 2023                | Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu |
| 27  | Giáo trình Luật Đất đai                                                                             | Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh                 | Hồng Đức, 2018                   | Luật đất đai và dự án đầu tư                             |
| 28  | Pháp luật về chuyển nhượng, góp vốn các dự án bất động sản của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản | Nguyễn Thị Nga                                      | Chính trị quốc gia sự thật       | Luật đất đai và dự án đầu tư                             |
| 29  | Giáo trình hợp đồng và đấu thầu xây dựng                                                            | Lê Minh Thoa, Nguyễn Ngọc Sơn (đồng chủ biên), Trần | Xây dựng, 2023                   | Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản                 |

| STT | Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)                                                                                     | Tên tác giả                                                         | Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước | Sử dụng cho học phần                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                       | Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thị Thủy, Thái Ngọc Thắng                     |                                  |                                                    |
| 30  | Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                              | Đại học Sư phạm, 2014            | Triết học                                          |
| 31  | Natural Law and Natural Rights (2nd ed.).                                                                                             | Finnis, J.                                                          | Oxford University Press, 2011    | Triết học                                          |
| 32  | The Authority of Law: Essays on Law and Morality (2nd ed.).                                                                           | Raz, J.                                                             | Oxford University Press, 2009    | Triết học                                          |
| 33  | Phương pháp phân tích luật viết                                                                                                       | Nguyễn Ngọc Điện                                                    | Chính trị quốc gia, 2022         | Phương pháp nghiên cứu khoa học                    |
| 34  | Kỹ năng viết cho người hành nghề luật                                                                                                 | Trần Thị Quang Hồng                                                 | Hồng Đức, 2023                   | Phương pháp nghiên cứu khoa học                    |
| 35  | Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật                                                                                     | Vũ Trọng Lâm                                                        | Chính trị quốc gia Sự thật, 2022 | Lý luận Nhà nước và pháp luật đương đại            |
| 36  | Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh                                                                                            | Trường Đại học Luật Tp.HCM                                          | Hồng Đức, 2023                   | Pháp luật về quản trị công ty hiện đại*            |
| 37  | Artificial Intelligence in Legal Systems: Bridging Law and Technology through AI.                                                     | Aslani, A., Vajjhala, P., & Cela, S.                                | Routledge, 2023                  | Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo         |
| 38  | Generative AI in EU Law: Liability, Privacy, Intellectual Property, and Cybersecurity.                                                | Novelli, C., Casolari, F., Hacker, P., Spedicato, G., & Floridi, L. | arXiv, 2024                      | Pháp luật về công nghệ và trí tuệ nhân tạo         |
| 39  | Luật Hợp đồng Việt Nam – Bản án và Bình luận bản án (Tập 1), (Tập 2)                                                                  | Đỗ Văn Đại                                                          | Hồng Đức, 2018                   | Pháp luật về hợp đồng thương mại *                 |
| 40  | Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng – Bản án và Bình luận án (Tập 1), (Tập 2)                                                    | Đỗ Văn Đại                                                          | Hồng Đức, 2018                   | Pháp luật về hợp đồng thương mại *                 |
| 41  | Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại                                                                | Trường Đại học Luật Tp.HCM                                          | Hồng Đức, 2020                   | Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nâng cao |

| STT | Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)                                | Tên tác giả                                             | Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước | Sử dụng cho học phần                             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| 42  | Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam                                     | Trường Đại học Luật Tp.HCM                              | Hồng Đức, 2023                   | Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số |
| 43  | Cẩm nang pháp luật ngân hàng (Nhận diện những vấn đề pháp lý)                    | Trương Thanh Đức                                        | Chính trị quốc gia Sự thật, 2020 | Pháp luật về công nghệ tài chính                 |
| 44  | Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng: lý luận và thực tiễn áp dụng | Lương Khải Ân                                           | Chính trị quốc gia Sự thật, 2023 | Pháp luật về công nghệ tài chính                 |
| 45  | Bình luận luật các tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15)                       | Nhiều tác giả                                           | Lao Động, 2024                   | Pháp luật về công nghệ tài chính                 |
| 46  | Giáo trình luật thuế Việt Nam                                                    | Trường Đại học Luật Hà Nội                              | Công an nhân dân, 2022           | Pháp luật về thuế trong kinh doanh*              |
| 47  | International Commercial Arbitration, A Comparative Introduction                 | Franco Ferrari, Friedrich Rosenfeld, John Fellas        | Edward Elgar , 2021              | Giải quyết tranh chấp thương mại*                |
| 48  | Giáo trình pháp luật kinh doanh bảo hiểm                                         | Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh               | Công an nhân dân, 2024           | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                    |
| 49  | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam - sách tham khảo                          | Bùi Thị Hằng Nga - Bạch Thị Nhã Nam (ĐH Kinh tế - Luật) | ĐH quốc gia TP HCM, 2023         | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                    |
| 50  | Thị trường tài chính phái sinh                                                   | Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Minh Hà                         | Đại học Kinh tế quốc dân, 2022   | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                    |
| 51  | Giáo trình Thương mại điện tử                                                    | Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phan Quan Việt.                | Tài chính, 2019                  | Pháp luật về thương mại điện tử                  |
| 52  | Cẩm nang pháp luật về ngân hàng                                                  | Trương Thanh Đức                                        | Chính trị quốc gia Sự thật, 2020 | Pháp luật về thị trường vốn                      |
| 53  | Pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty chứng khoán        | Phan Phương Nam                                         | Chính trị quốc gia Sự thật, 2022 | Pháp luật về thị trường vốn                      |
| 54  | Giáo trình Luật thương mại quốc tế                                               | Nguyễn Xuân Hiệp, Nguyễn Tú                             | Hồng Đức, 2025                   | Luật thương mại quốc tế nâng cao                 |
| 55  | The Law and Policy of the World Trade Organization (5th edn.)                    | Peter Van den Bossche and Werner Zdouc.                 | Cambridge University Press, 2021 | Luật thương mại quốc tế nâng cao                 |
| 56  | Giáo trình Luật Đầu tư                                                           | Nguyễn Quý Trọng                                        | Tư pháp, 2022                    | Luật đầu tư nâng cao                             |

| STT | Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)                                                                | Tên tác giả                        | Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước                     | Sử dụng cho học phần                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 57  | Policies and Laws on the Development of Science, Technology, and Innovation through Public-Private Partnerships. | Trần Điệp Thanh                    | Journal of Interdisciplinary Sciences and Arts, 2025 | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 58  | Giáo trình Luật đầu tư quốc tế (song ngữ)                                                                        | Trường Đại học Luật Hà Nội         | Thanh niên, 2017                                     | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 59  | Giáo trình Luật Đầu tư quốc tế                                                                                   | Trường ĐH Luật TP HCM              | Chính trị quốc gia, 2017                             | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 60  | Dispute settlement and the reform of international investment law.                                               | Yu, P.                             | Edward Elgar, 2020                                   | Luật đầu tư nâng cao                                     |
| 61  | Chiến lược mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (Lê Thị Minh Loan, dịch)                                             | Sirower, M. L., & Weirens, J. M.   | PACE Books, 2020                                     | Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu |
| 62  | Mergers and Acquisitions: Law, Theory, and Practice (3rd ed.)                                                    | Hill, J., Quinn, R., & Solomon, S. | Wolters Kluwer, 2021                                 | Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu |
| 63  | M&A căn bản – các bước quan trọng trong quá trình mua bán doanh nghiệp và đầu tư (Bản dịch).                     | Michael E. S. Frankel              | Tri Thức, 2009                                       | Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chuyên sâu |
| 64  | Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024                                                                         | Tạ Đình Tuyên và Nguyễn Văn Huy    | Lao động, 2024                                       | Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư                     |
| 65  | Luật Đất đai năm 2024 và án lệ giải quyết vụ án, vụ việc về đất đai trong thực tiễn xét xử                       | Nguyễn Thị Ngọc Hoa                | Công an nhân dân, 2024                               | Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư                     |
| 66  | Bất động sản Việt Nam với người nước ngoài – Vietnam Real Estate for Foreigners.                                 | Bình, Đ. V.                        | Chính trị Quốc gia Sự thật, 2024                     | Pháp luật về đất đai và dự án đầu tư                     |

Bảng 2.13. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Luật Kinh tế của Trường trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

| STT | Công trình khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Đào Xuân Hội (2021), Impact of international labour treaties and new generation agreements on labour relations in Vietnam. <i>International Journal of Social Sciences and Management Review</i> , 4 (01), 126-132, <a href="https://doi.org/10.37602/IJSSMR.2020.3610">https://doi.org/10.37602/IJSSMR.2020.3610</a>                                     |         |
| 2   | Pham Thi Hong Nhung and Nguyen Vinh Hung (2025), Measures to Prevent and Combat Smuggled Cigarettes and Counterfeit Cigarettes in Vietnam. <i>Veredas do Direito</i> , 22(4). <a href="http://dx.doi.org/10.18623/rvd.v22.n4.3743">http://dx.doi.org/10.18623/rvd.v22.n4.3743</a>                                                                         |         |
| 3   | Tô Thị Đông Hà, Trương Thị Tường Vi, Ngô Gia Hoàng và Lê Văn Quý (2025), Đào tạo luật thông qua văn phòng thực hành luật – Thách thức và hướng khắc phục cho Việt Nam. <i>Tạp chí Giáo dục và Xã hội</i> , 177(238), 331335.                                                                                                                              |         |
| 4   | Nguyễn Tú (2025), Quản lý quảng cáo trực tuyến xuyên biên giới: So sánh quy định của EU và Việt Nam. <i>Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội</i> , 01, 178-185                                                                                                                                                                                                |         |
| 5   | Phạm Thị Thi (2024), Hoàn thiện một số quy định về thỏa thuận trọng tài trong luật trọng tài thương mại năm 2010. <i>Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển”</i> , 197-202                                                                                                   |         |
| 6   | Phạm Thị Hạnh và Phan Thị Thu Thủy (2025), Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ: Một số bất cập và kiến nghị. <i>Tạp chí Khoa học Tài chính Kế toán</i> , 34, 86-92.                                                                                                                                                                                   |         |
| 7   | Nguyen Hoàng Duy and Chu Van Hung (2024), Fight against gambling crimes and organizing gambling in cyberspace in Vietnam. <i>XLV International Multidisciplinary Conference “Innovations and Tendencies of State-of-Art Science”</i> . <i>Proceedings of the Conference (July, 2024)</i> . <i>Mijnbestseller Nederland, Rotterdam, Nederland</i> , 71-75. |         |
| 8   | Đàm Bích Hiền (2021), Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026, <i>Tạp chí Tổ chức Nhà nước</i> , 10, 25-28                                                                                                                                                                                         |         |

| STT | Công trình khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9   | Nguyễn Bình An (2023), An evaluation of the global supply chain codes of conduct concerning soft law regulations of labour. <i>11th International Conference on Applied Science and Technology 2022</i> , 2827(1), 030039-1~030039-8. <a href="https://doi.org/10.1063/5.0164872">https://doi.org/10.1063/5.0164872</a> |         |
| 10  | Nguyen Thi The, Khuc Thi Trang Nhung and Nguyen Vinh Hung (2025), Incentive Policies of the State to Attract Investment for Foreign Investors in Vietnam, <i>Eksplorium</i> , 46 (2), 168-182.                                                                                                                          |         |
| 11  | Phạm Thị Thi (2025), Hoàn thiện quy định về phát hiện tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước. <i>Tạp chí Luật sư Việt Nam</i> , 130, 24-30.                                                                                                                                                                    |         |
| 12  | Tô Thị Đông Hà, Nguyễn Thị Hương Thảo và Lê Thị Minh Trang (2023), Đào tạo luật thông qua văn phòng thực hành luật – Thách thức và hướng khắc phục cho Việt Nam. <i>Tạp chí Giáo dục và Xã hội</i> , 11/2023, 356-361.                                                                                                  |         |
| 13  | Dao Xuan Hoi, Doan Hong Nhung and Nguyen Vinh Hung (2023), Personal Income Tax Levied on Real Estate Business in Vietnam: Reality and Some Recommendation. <i>Journal of Law and Sustainable Development</i> , 11, 1-13.                                                                                                |         |
| 14  | Nguyễn Ngọc Lan and Chu Van Hung (2024), Ensuring the rights of female workers in current vietnamese law. <i>LIX International Multidisciplinary Conference “Recent Scientific Investigation”. Proceedings of the Conference (August, 2024). Primedia E-launch LLC, Shawnee, USA</i> , 49-55.                           |         |
| 15  | Nguyễn Tú (2024), Tiêu chí nền kinh tế thị trường - Ảnh hưởng đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ. <i>Tạp chí Công thương</i> , 19, 31-37.                                                                                                                                                       |         |
| 16  | Pham Thi Hong Nhung and Nguyen Vinh Hung (2024), Policy on The Prevention and Control of Tobacco Harm in Vietnam. <i>Revista de Gestão Social e Ambiental</i> , 18(9). <a href="https://doi.org/10.24857/rgsa.v18n9-010">https://doi.org/10.24857/rgsa.v18n9-010</a>                                                    |         |
| 17  | Phạm Thị Thi và Lương Văn Hùng (2023), Bình luận một số quy định về xử lý tài sản thế chấp là chủ tàu cá theo pháp luật Việt Nam hiện nay, <i>Tạp chí Khoa học Tài chính Kế toán</i> , 28, 61-66                                                                                                                        |         |
| 18  | Phạm Thị Thi (2022), Quyền hưởng an sinh xã hội – Sự kế thừa và phát triển qua các bản Hiến pháp ở Việt Nam, <i>Hội thảo 75 năm Hiến pháp Việt Nam</i> , 635-647                                                                                                                                                        |         |

| STT | Công trình khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 19  | Phạm Thị Hạnh và Lê Ngọc Bảo Trâm (2023), Pháp luật về quyết toán thuế thu nhập cá nhân – Những hạn chế và định hướng hoàn thiện, <i>Tạp chí Khoa học Tài chính Kế toán</i> , 29, 65-71                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |
| 20  | Phan Thị Thu Thủy và Phạm Thị Hạnh (2024), Pháp luật về thương mại điện tử của Việt Nam hiện nay: Một số hạn chế và giải pháp hoàn thiện, <i>Tạp chí Khoa học Tài chính Kế toán</i> , 30, 88-94                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |
| 21  | Đàm Bích Hiền (2022), Những thành tựu nổi bật trong công tác cải cách hành chính Nhà nước ở Việt Nam từ thời kỳ đổi mới đến nay, <i>Tạp chí Tổ chức Nhà nước</i> , 11, 19-22                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 22  | Nguyễn Bình An Yen-Lin Kuo, Fatma Mabrouk, Shouvik Sanyal, Iskandar Muda, Sanil S. Hishan & Niamat Abdulrehman (2022), Ecological innovation for environmental sustainability and human capital development: the role of environmental regulations and renewable energy in advanced economies, <i>Economic Research-Ekonomska Istraživanja</i> , 36(1), 243-263, <a href="https://doi.org/10.1080/1331677X.2022.2120046">https://doi.org/10.1080/1331677X.2022.2120046</a> |         |
| 23  | Yunpeng Sun, Weimin Guan, Asif Razzaq, Mohsin Shahzad and Nguyen Binh An (2022), Transition towards ecological sustainability through fiscal decentralization, renewable energy and green investment in OECD countries, <i>Renewable Energy</i> , 190, 385-395, <a href="https://doi.org/10.1016/j.renene.2022.03.099">https://doi.org/10.1016/j.renene.2022.03.099</a>                                                                                                    |         |

Bảng 2.14. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Luật Kinh tế thực hiện

| STT | Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số | Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở | Tên đề tài                                                                                                                   | Chủ nhiệm đề tài     | Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài | Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu) | Kết quả nghiệm thu | Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Số 311/QĐ-ĐHTCM, 12/03/2020, CS-23-20       | Đề tài cấp cơ sở                | Ảnh hưởng của các chính sách hỗ trợ của nhà nước đến quyết định đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam | Nguyễn Thị Quý       | Số 643/QĐ-ĐHTCM, 08/04/2021                          | 16/04/2021                                        | Đạt                | Nguyễn Thị Quý<br>Nguyễn Thị Thái Thuận                                     |         |
| 2   | Số 2470/QĐ-ĐHTCM, 14/09/2022, CS-51-22      | Đề tài cấp cơ sở                | Áp dụng án lệ tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp                                                                         | Hồ Thị Thanh Trúc    | Số 2036/QĐ-ĐHTCM, 15/08/2023                         | 24/08/2023                                        | Đạt                | Hồ Thị Thanh Trúc<br>Nguyễn Thị Hương Thảo                                  |         |
| 3   | Số 1589/QĐ-ĐHTCM, 30/06/2023, CS-30-23      | Đề tài cấp cơ sở                | Giáo dục thực hành luật - Giải pháp phát triển tại Trường Đại học Tài chính – Marketing                                      | Trần Thị Huyền Trang | Số 2975/QĐ-ĐHTCM, 26/10/2023                         | 01/11/2023                                        | Đạt                | Trần Thị Huyền Trang<br>Hồ Thị Thanh Trúc<br>Thái Thị Tường Vi              |         |
| 4   | Số 1589/QĐ-ĐHTCM, 30/06/2023, CS-01-23      | Đề tài cấp cơ sở                | Ảnh hưởng của các kênh truyền dẫn chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân                                   | Lê Trung Đạo         | Số 2287/QĐ-ĐHTCM, 22/08/2024                         | 13/09/2024                                        | Đạt                | Lê Trung Đạo<br>Đàm Đức Tuyền                                               |         |

| STT | Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số | Đề tài cấp Bộ/ đề tài cấp cơ sở | Tên đề tài                                                                                                         | Chủ nhiệm đề tài  | Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài | Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu) | Kết quả nghiệm thu | Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|
| 5   | Số 2664/QĐ-ĐHTCM, 10/10/2023, CS-53-23      | Đề tài cấp cơ sở                | Pháp luật về quản lý thuế đối với mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam                                             | Hồ Thị Thanh Trúc | Số 2890/QĐ-ĐHTCM, 23/10/2024                         | 28/10/2024                                        | Đạt                | Hồ Thị Thanh Trúc                                                           |         |
| 6   | Số 1589/QĐ-ĐHTCM, 30/06/2023, CS-31-23      | Đề tài cấp cơ sở                | Bảo vệ quyền riêng tư đối với dữ liệu cá nhân trong môi trường Internet: Nghiên cứu tại Việt Nam                   | Ngô Thị Duyên     | Số 1670/QĐ-ĐHTCM, 24/06/2024                         | 04/07/2024                                        | Đạt                | Ngô Thị Duyên<br>Kính Thị Tuyết<br>Nguyễn Thị Hương Thảo                    |         |
| 7   | Số 1487/QĐ-ĐHTCM, 12/05/2025, CS-45-25      | Đề tài cấp cơ sở                | Việc làm thông qua nền tảng kỹ thuật số (platform work) theo pháp luật Liên minh Châu Âu và bài học cho Việt Nam   | Hồ Thị Thanh Trúc | Số 3335/QĐ-ĐHTCM, 17/10/2025                         | 25/10/2025                                        | Đạt                | Hồ Thị Thanh Trúc                                                           |         |
| 8   | Số 1589/QĐ-ĐHTCM, 30/06/2023, CS-29-23      | Đề tài cấp cơ sở                | Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Văn phòng thực hành luật (Clinic Law) tại Trường Đại học Tài chính – Marketing | Tô Thị Đông Hà    | Số 189/QĐ-ĐHTCM, 23/01/2025                          | 19/02/2025                                        | Đạt                | Tô Thị Đông Hà<br>Lê Thị Minh Trang<br>Nguyễn Thị Hương Thảo                |         |

### *2.2.5. Hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế:*

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường Đại học HELP-Malaysia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chuyên ngành QTKD; ngoài ra Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như Đại học UCSI (Malaysia), Trường Đại học Leeds Beckett (LBU), Công ty Công nghệ giáo dục Upgrad, Viện Lithan Singapore và công ty Study Guide. Trường đã làm việc với Cơ quan giáo dục của các nước có Lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh; làm việc với Đại học UCSI để triển khai các chương trình đã ký thỏa thuận hợp tác 2 bên và đẩy mạnh thỏa thuận về trao đổi giảng viên, sinh viên và chương trình nghiên cứu phối hợp để đăng bài trên các tạp chí quốc tế Emerald.

Bên cạnh hoạt động đào tạo, Trường cũng đẩy mạnh kết nối với các doanh nghiệp và tổ chức tuyển dụng nhằm mở rộng cơ hội việc làm cho sinh viên các ngành, trong đó có ngành Luật Kinh tế. Một số doanh nghiệp và tổ chức có liên quan đến lĩnh vực này bao gồm Công ty Cổ phần tập đoàn INTIMEX, Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK), Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Diệu Phúc (CellphoneS), Công ty Cổ phần Chuỗi thực phẩm TH, Công ty Cổ phần Động lực Việt Nam, Công ty Cổ phần Bảo Minh, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBANK), Công ty Cổ phần R2S, Công ty Cổ phần FUJINET SYSTEMS (FUJINET)... Những đơn vị này là đối tác tiềm năng trong việc tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế.

### **2.3. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ:**

Thạc sĩ ngành Luật kinh tế dự kiến tuyển sinh từ năm 2026. Quy mô tuyển sinh hàng năm dự kiến tối thiểu 50 học viên.

Sau khi có khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp, dự kiến sẽ mở ngành Luật Kinh tế trình độ tiến sĩ, tuyển sinh khóa đầu vào năm 2030

### **2.4. Giải pháp và lộ trình thực hiện:**

#### *2.4.1. Giải pháp và lộ trình xây dựng đề án mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo:*

- Từ tháng 11/2025: Triển khai xây dựng đề án, xây dựng chương trình đào tạo.
- Tháng 12/2025: Hoàn thiện đề án, hoàn thiện chương trình đào tạo
- Tháng 01/2026: Tuyển sinh

#### *2.4.2. Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu:*

- Cơ sở vật chất: Cần trang bị thêm cơ sở vật chất và những trang thiết bị học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành.

- Học liệu: cần trang bị các học liệu phù hợp sau khi chương trình đào tạo được phê duyệt để đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành.

#### *2.4.3. Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo:*

- Tuyển 02-03 tiến sĩ/nghiên cứu sinh các ngành phù hợp để tham gia chủ trì và thực hiện chương trình đào tạo.

- Mời chuyên gia từ: Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Viện Nghiên cứu kinh tế và chính sách, Tòa án các cấp, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội công chứng, các tổ chức quốc tế... làm giảng viên thỉnh giảng.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên hiện có.

#### *2.4.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo:*

Dự kiến sẽ thực hiện đánh giá kiểm định chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế sau khi có học viên tốt nghiệp.

### **2.5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro**

Trong quá trình triển khai đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế nếu có những bất trắc xảy ra như thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng sẽ chuyển sang kết hợp giữa hình thức đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến; hoặc theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro trong quá trình triển khai đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, nếu có những bất trắc (hiếm khi) xảy ra (như đình chỉ mở ngành,...), Trường cam kết thực hiện các biện pháp và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của người học, cụ thể như sau:

(i) Chuyển người học sang học tập tại một số cơ sở đào tạo phía Nam có đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế; (ii) Hoàn trả học phí cho người học đã nộp đối với các học phần chưa triển khai đào tạo; (iii) Cho phép người học được bảo lưu theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian quy định của thời hạn đào tạo khóa học cho đến khi Trường được phép đào tạo lại;

Trong quá trình triển khai đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, nếu có những rủi ro xảy ra phải tăng mức học phí, Khoa Pháp luật và Ngoại ngữ sẽ đề xuất với Nhà trường về phương án ổn định học phí cho người học theo niên độ ít nhất mỗi kỳ là 1 năm và khuyến khích cho người học có kết quả từ khá tốt trở lên để tạo điều kiện cho người học an tâm học tập.

Trường Đại học Tài chính – Marketing đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia, cơ sở vật chất, chương trình và kế hoạch đào tạo cần thiết để đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế. Phần lớn cán bộ, giảng viên, người cần học đang cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận, từ đó thu hút được người cần đào tạo. Bên cạnh đó, chi phí học tập, dịch vụ khác, các phòng học, thư viện và tài liệu có sẵn, thuận lợi sẽ giúp cho người học có nhiều thời gian nghiên cứu. Thời gian tiếp cận trao đổi với giảng viên cũng là một trong những lợi thế của việc đào tạo đúng ngành tại chỗ. Việc mở ngành thạc sĩ Luật Kinh tế trong điều kiện hiện có của Nhà trường là cần thiết và phù hợp. Nhà Trường cam kết đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài chính và con người, đồng thời thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan Ban, Ngành về điều kiện mở ngành; Tổ chức, triển khai đào tạo chương trình thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo phương châm luôn đặt lợi ích trọng tâm của người học lên hàng đầu, hướng đến cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao.

### **PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Nhà trường đã thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo Quyết định số 4230/QĐ-ĐHTCM ngày 18/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing, gồm các giảng viên, chuyên gia có trình độ tiến sĩ trở lên với chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng chương trình đào tạo sau đại học.

Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Quá trình xây dựng chương trình được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tiễn từ các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các trường đại học, nhằm xác định chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình và nội dung học phần phù hợp với yêu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển của nhà trường.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng tích hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, bao gồm các học phần bắt buộc, học phần tự chọn, chuyên đề nghiên cứu, thực tập và luận văn thạc sĩ. Tổng khối lượng chương trình là 61 tín chỉ, thời gian đào tạo từ 1,5 đến 2 năm.

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 4240/QĐ-ĐHTCM ngày 19/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing. Chương trình đào tạo đã được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua ngày 22/12/2025. Đồng thời, Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua ngày 23/12/2025.

Chương trình đào tạo đã được ban hành theo Quyết định số 4339/QĐ-ĐHTCM ngày 25/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

#### **PHẦN 4. KẾT LUẬN**

ĐHTCM đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giảng viên với chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học để thực hiện CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật Kinh tế.

Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất, hệ thống thư viện, công nghệ và nguồn học liệu chuyên sâu cần thiết để đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật kinh tế. Việc mở ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ là phù hợp với nhu cầu nhân lực trình độ cao và cấp chuyên gia của thị trường lao động, cũng như hoàn toàn nhất quán với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của ĐHTCM, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

Bên cạnh đó, các điều kiện hỗ trợ vượt trội như chi phí học tập hợp lý, các phòng học, thư viện hiện đại và quyền truy cập các cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học, sẽ tạo môi trường thuận lợi tối đa cho người học trong quá trình học tập và thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu. Như vậy, việc mở ngành thạc sĩ Luật Kinh tế trong điều kiện hiện tại của Nhà trường là một bước đi chiến lược, hết sức cần thiết và phù hợp.

Phát huy những điểm mạnh, khắc phục hạn chế với kinh nghiệm đào tạo, Nhà trường cam kết đảm bảo các điều kiện tốt nhất về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài chính và con người, đồng thời thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành của các cơ quan Ban, Ngành về điều kiện mở ngành đào tạo thạc sĩ. Nhà trường sẽ tổ chức, triển khai đào tạo chương trình thạc sĩ ngành Luật Kinh tế theo phương châm luôn đặt lợi ích và sự phát triển học thuật của người học lên hàng đầu, vì mục tiêu cung cấp cho xã hội đội ngũ nhân lực ngành Luật Kinh tế chất lượng cao./.